

Số: 1328/QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2019
(kinh phí điều chỉnh đợt tháng 7/2019)

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2019 (điều chỉnh kinh phí đợt tháng 7/2019) cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./. 4

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Đình Công;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC, PTH ✓



Nguyễn Đình Công

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019
(Đợt điều chỉnh kinh phí tháng 7 năm 2019)**



(Kèm theo Quyết định số 1328 /QĐ-VHL ngày 02 / 8 /2019
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
Tổng số được giao đến 20/7/2019:		1.175.850,00						
Tổng số đã thực hiện phân bổ 20/7/2019:		1.175.850,00						
Tổng kinh phí thực hiện điều chỉnh		0,000	5.350,000	13.211,602	331,270	331,270	22.286,602	14.425,000
1	Viện Toán học	-5,000	0,000	0,000	0,000	5,000	0,000	0,000
2	Viện Công nghệ thông tin	20,000	0,000	0,000	0,000	0,000	20,000	0,000
3	Viện Cơ học	150,000	0,000	0,000	0,000	0,000	150,000	0,000
4	Viện Khoa học vật liệu	300,000	300,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
5	Viện Vật lý	299,230	200,000	0,000	111,230	12,000	0,000	0,000
6	Viện Hóa học	5.330,000	100,000	0,000	0,000	0,000	5.230,000	0,000
7	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	100,000	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
8	Viện Công nghệ Sinh học	458,000	0,000	0,000	60,000	2,000	400,000	0,000
9	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	440,000	400,000	0,000	0,000	0,000	40,000	0,000
10	Viện Địa lý	-120,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	120,000
11	Viện Địa chất	-431,270	100,000	350,000	0,000	0,000	20,000	201,270
12	Viện Vật lý địa cầu	20,000	0,000	0,000	0,000	0,000	20,000	0,000
13	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	300,000	300,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
14	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng	532,000	0,000	0,000	0,000	4,000	536,000	0,000
15	Viện Công nghệ hóa học	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
16	Viện Sinh học nhiệt đới	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
17	Viện Hải dương học	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	200,000	0,000
18	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang	-220,000	200,000	400,000	0,000	20,000	0,000	0,000

TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
19	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	-25,000	0,000	0,000	7,000	32,000	0,000	0,000
20	Viện Vật lý Tp.HCM	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
21	Viện Địa lý tài nguyên Tp.HCM	486,340	0,000	0,000	46,340	0,000	440,000	0,000
22	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
23	Viện Tài nguyên và môi trường biển	200,000	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
24	Viện Địa chất và Địa vật lý biển	2.300,000	2.000,000	0,000	0,000	0,000	300,000	0,000
25	Viện Vật lý ứng dụng và thiết bị khoa học	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
26	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	790,020	0,000	0,000	0,000	111,230	901,250	0,000
27	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	-6.959,032	0,000	7.231,602	0,000	96,700	7.473,000	7.103,730
28	Văn phòng đại diện tại Tp.HCM	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
29	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
30	Viện Công nghệ môi trường	600,000	100,000	0,000	0,000	0,000	500,000	0,000
31	Viện Khoa học năng lượng	139,352	0,000	0,000	0,000	0,000	139,352	0,000
32	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ	1.667,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.667,000	0,000
33	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	207,000	200,000	0,000	7,000	0,000	0,000	0,000
34	Viện Công nghệ vũ trụ	-2.776,340	0,000	5.230,000	0,000	46,340	2.500,000	0,000
35	Trung tâm Phát triển công nghệ cao	92,700	0,000	0,000	92,700	0,000	0,000	0,000
36	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	105,000	100,000	0,000	7,000	2,000	0,000	0,000
37	Trung tâm Tin học và tính toán	1.200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.200,000	0,000
38	Viện Hoá sinh biển	200,000	200,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
39	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	550,000	0,000	0,000	0,000	0,000	550,000	0,000
40	VP Chương trình Tây Nguyên 2016-2020	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
41	Viện Nghiên cứu hệ Gen	350,000	350,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000



TT	Tên đơn vị	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	Bao gồm					
			KP th.hiện nhiệm vụ KHCN		KP thường xuyên		KP không thường xuyên	
			Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu giảm
42	Viện Sinh thái học miền Nam	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
43	Học viện Khoa học và công nghệ	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
44	Viện Hàn lâm KHCVN-Đoàn ra	-7.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	7.000,000
45	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	500,000	500,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
46	Ban Quản lý dự án xây dựng Đại học khoa học và công nghệ Hà Nội	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

